CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Halcom Việt Nam

Ngày 30/06/2025	2,530 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.9%	**-8.0%**	**-4.5%**

DT thuần
Q2/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -0.8%
YoY: ▲ 44.3| 57.7%

LN thuần
Q2/25
-29.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.5| -906%
YoY: ▼8.80| -42.6%

LN sau thuế
Q2/25
-34.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼33.5| -3418%
YoY: ▼13.2| -61.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-18.0%
YoY: +/-▼ 25.2%

ROE (TTM)
Q2/25
0.2%
YoY: +/-▼ 0.4%

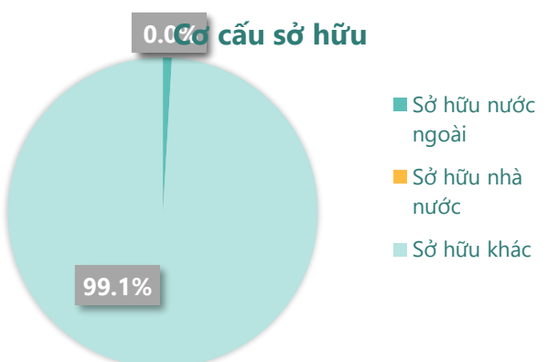
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,500 - 3,120
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	194
Số lượng CPLH (CP)	76,756,321
KLGD BQ 20 phiên (CP)	112,385
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.53
EPS	19
P/E	131.5

DT thuần
6T 2025
243
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 123| 102%

LN thuần
6T 2025
-32.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.3| -992%

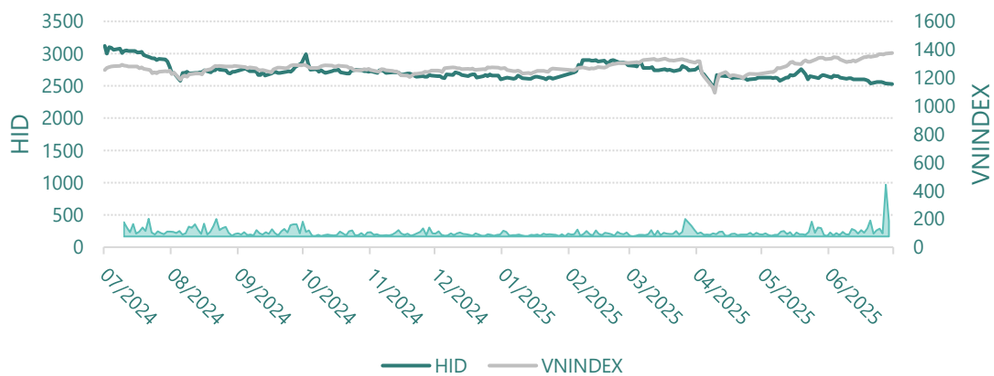
LN sau thuế
6T 2025
-35.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.2| -461%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



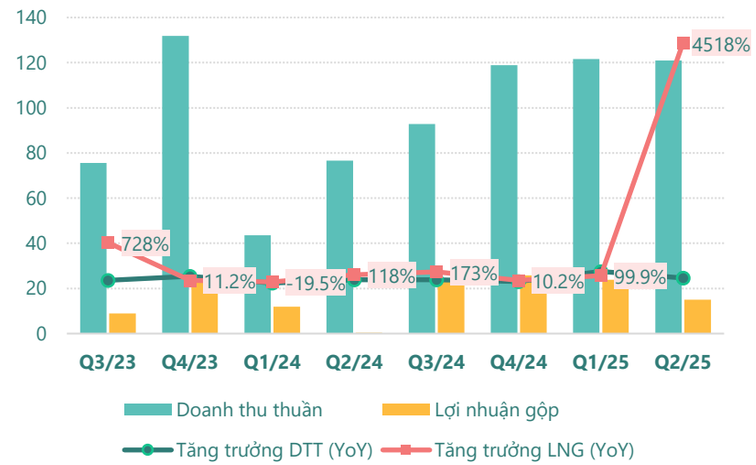
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

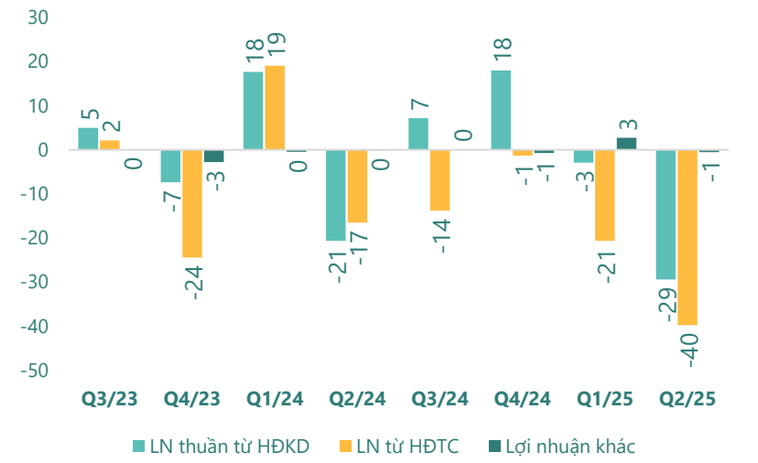
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



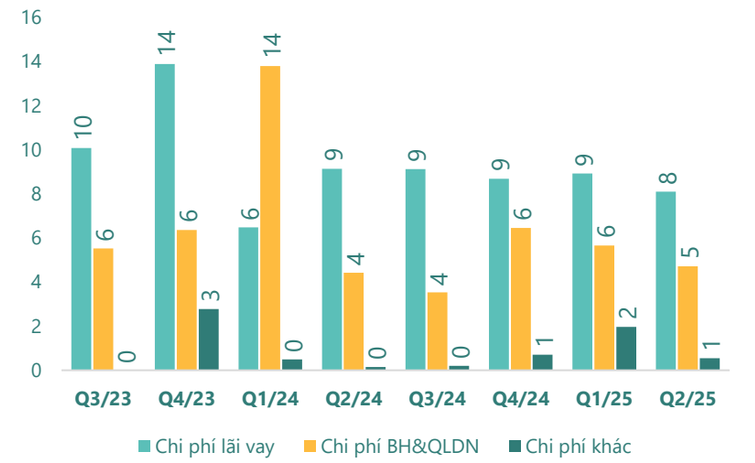
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



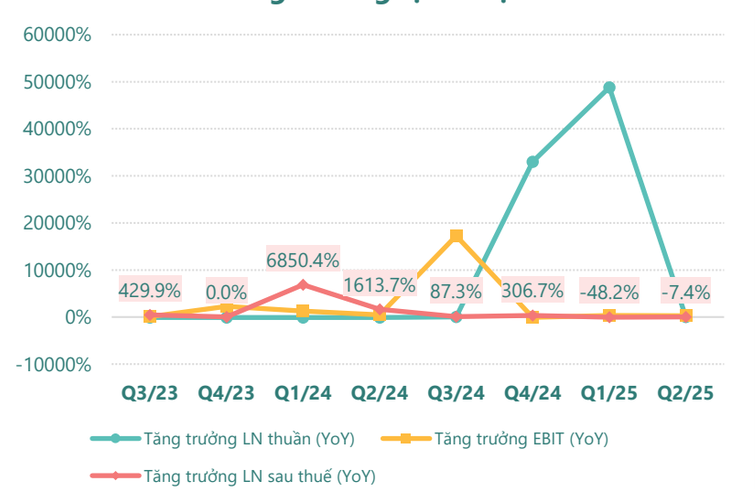
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



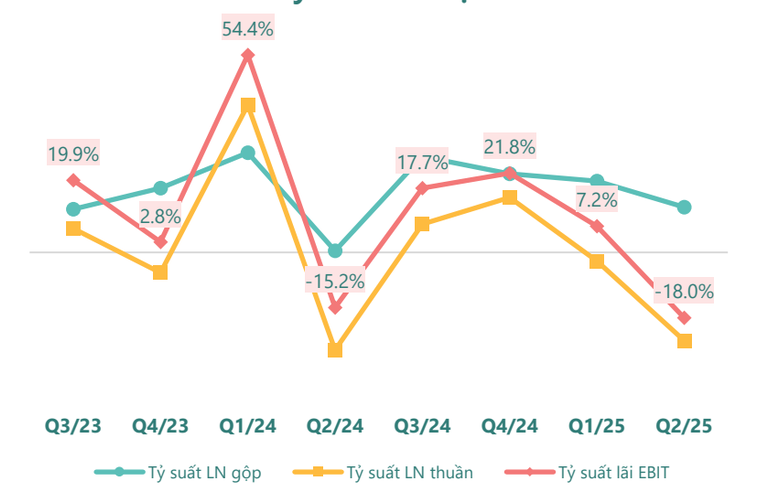
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



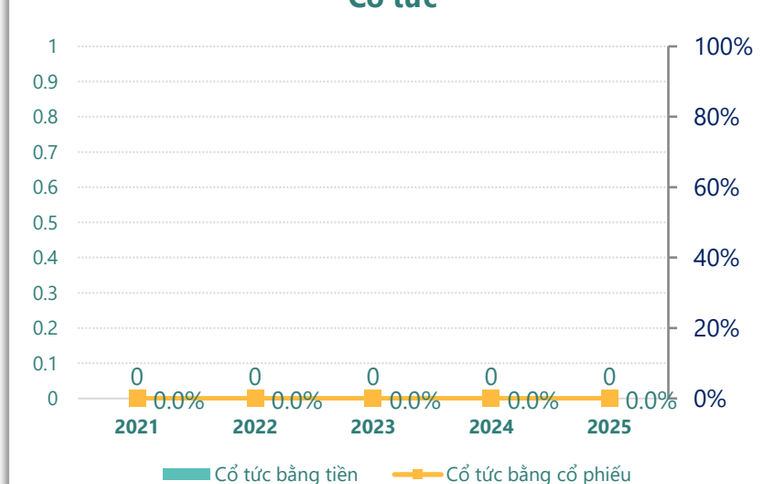
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



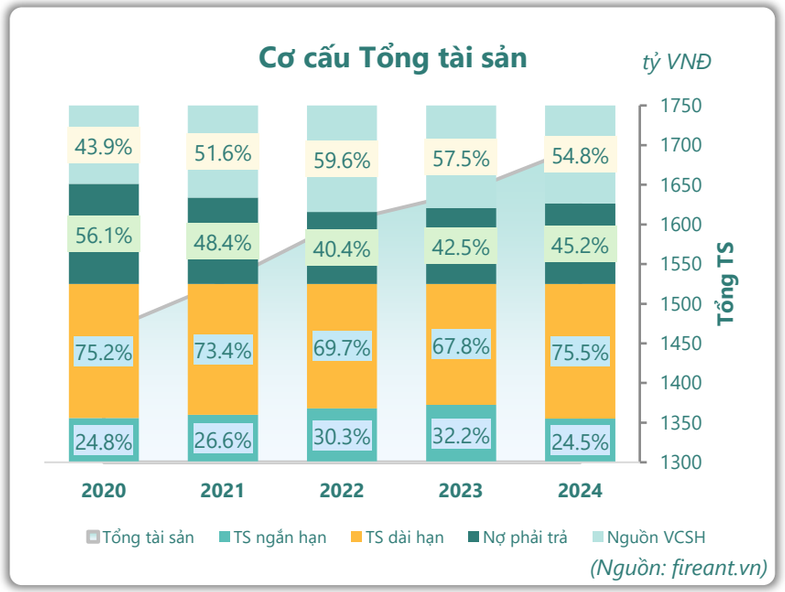
(Nguồn: fireant.vn)

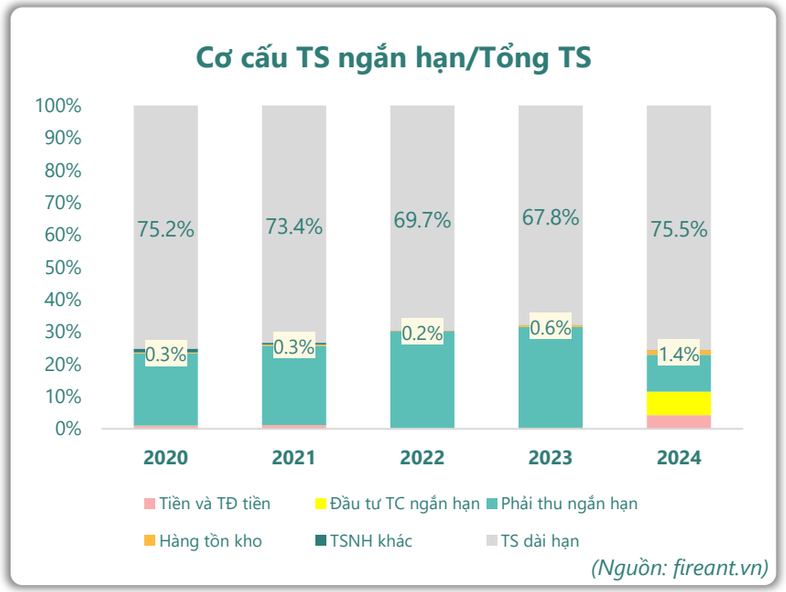
Cổ tức

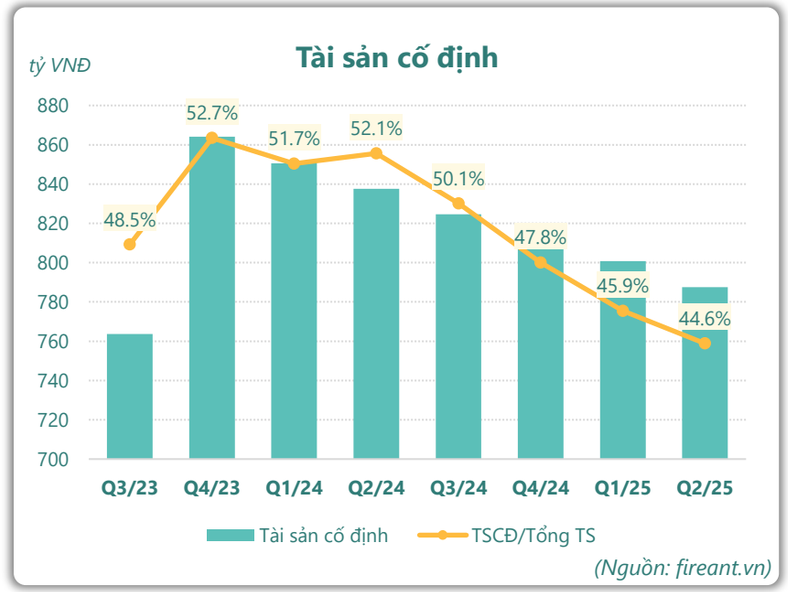


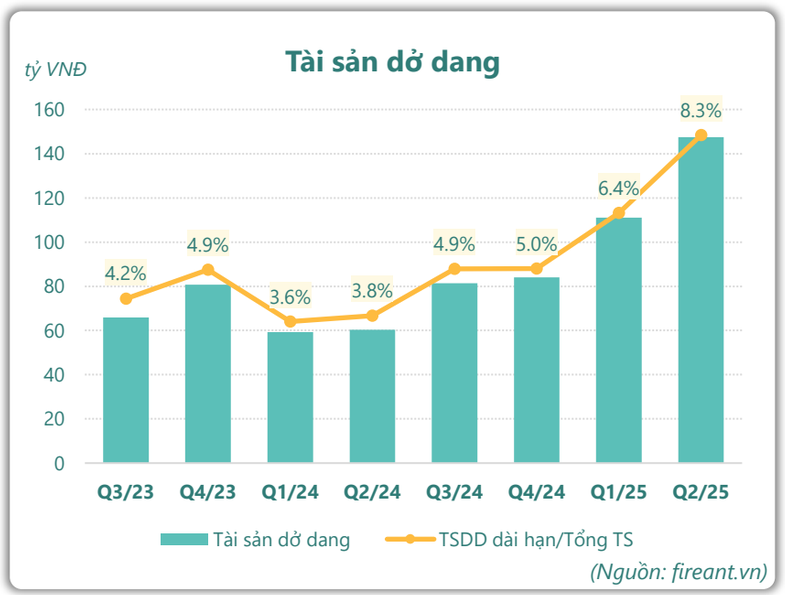
(Nguồn: fireant.vn)

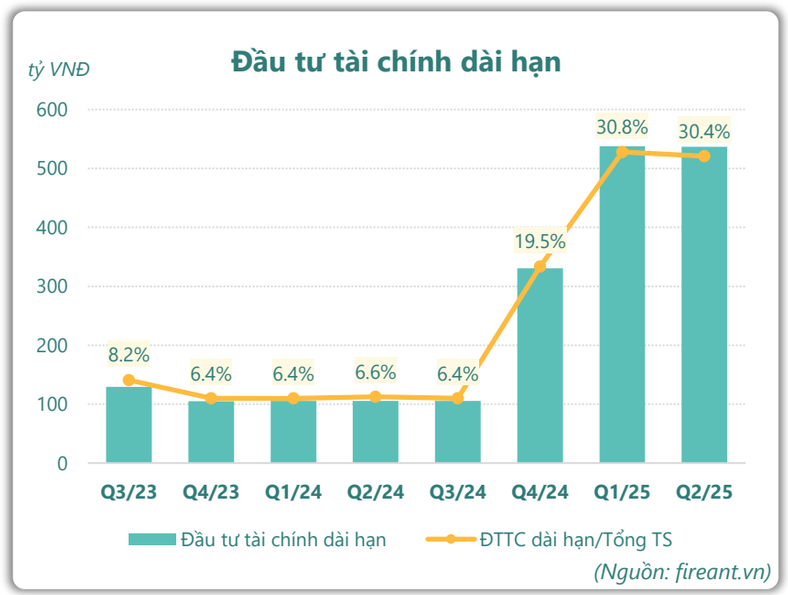
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

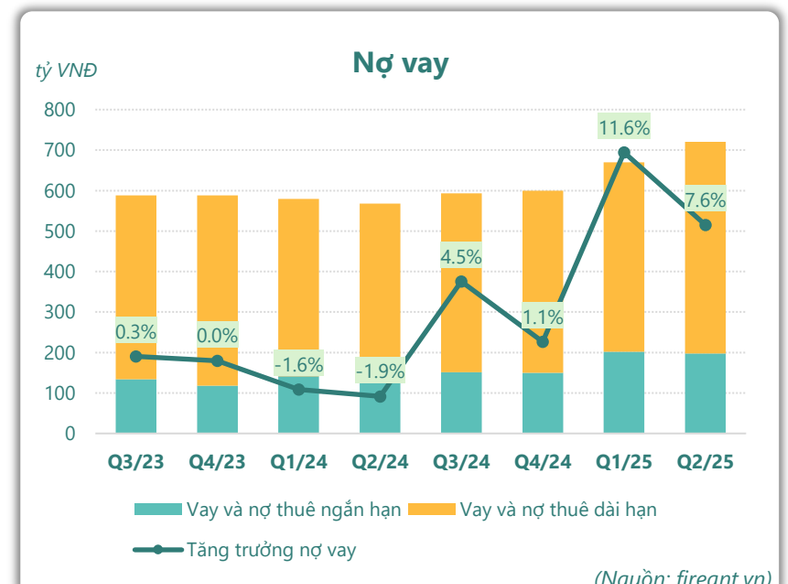






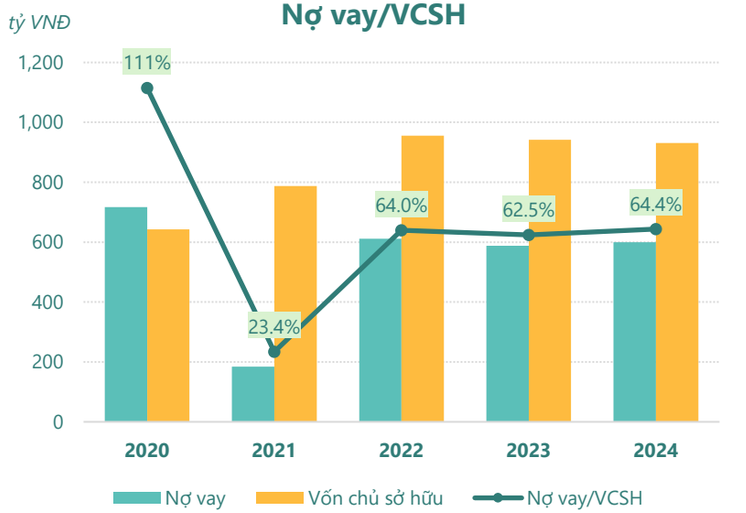






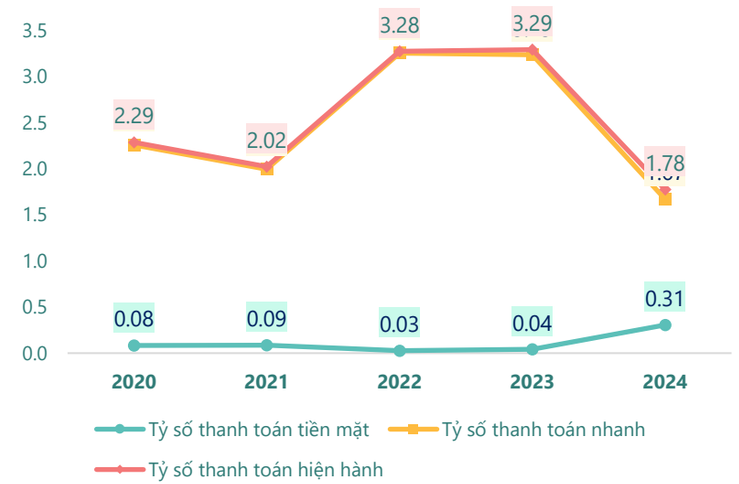
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



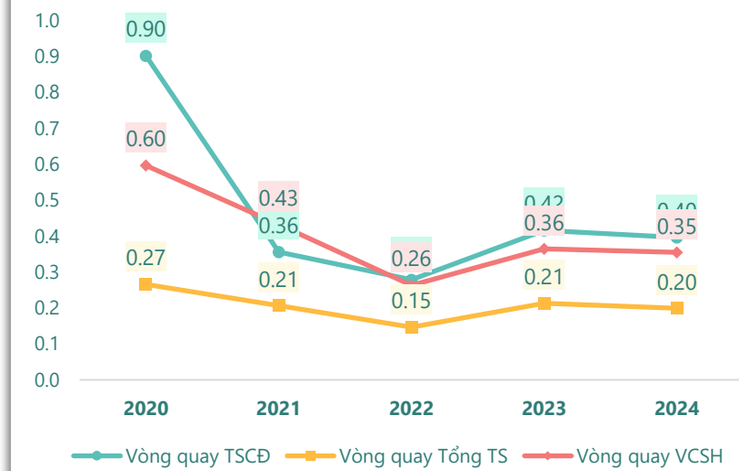
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



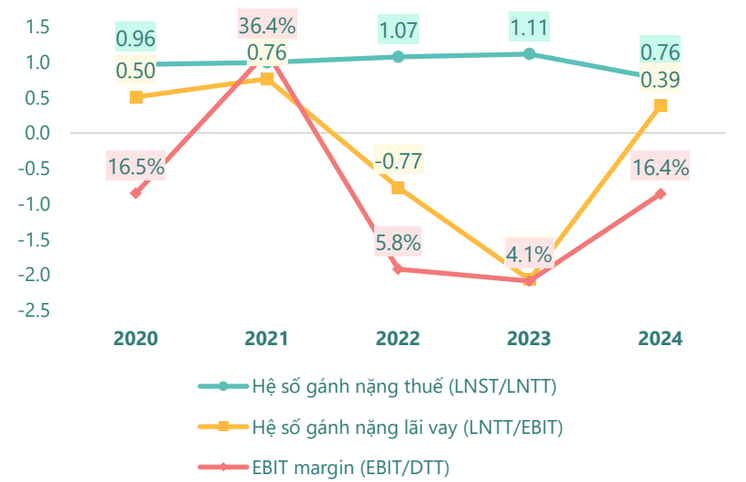
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



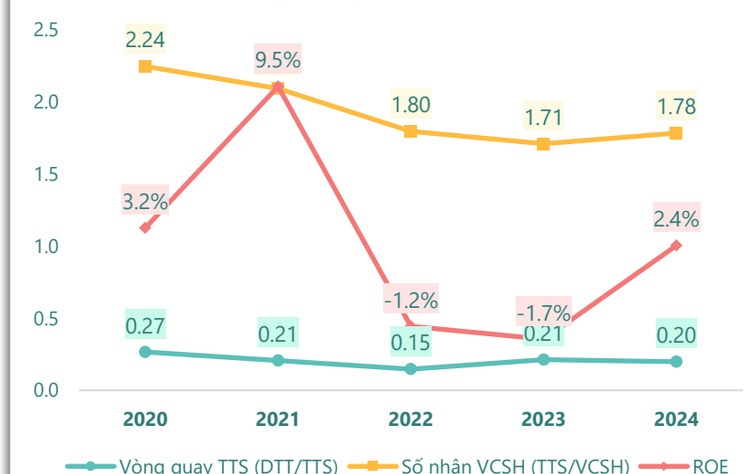
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



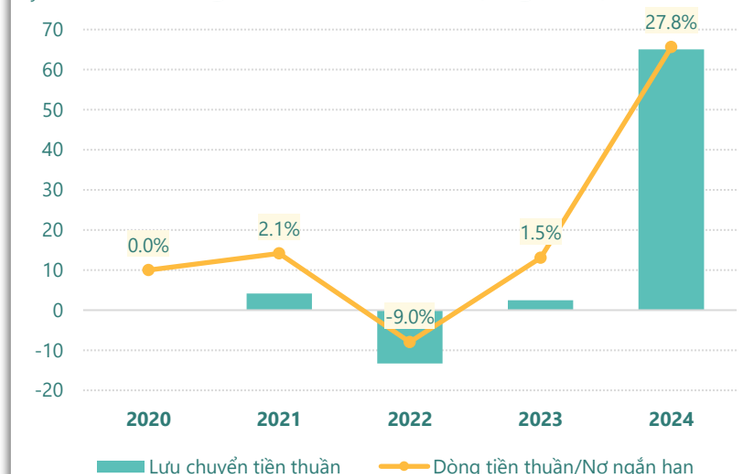
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**121**	**76.7**	**57.7%**	**243**	**120**	**102%**
Giá vốn hàng bán	106	76.3	38.8%	204	108	88.7%
Lợi nhuận gộp	15.1	0.33	4471%	39.0	12.3	217%
Doanh thu HĐTC	0.00	4.33	-99.9%	-7.76	36.1	-122%
Chi phí TC	39.8	20.9	90.2%	52.7	33.5	57.1%
Chi phí lãi vay	8.10	9.14	-11.4%	17.0	15.6	8.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.48**	**0.44**	**-210%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.72**	**4.43**	**6.5%**	**10.4**	**18.2**	**-43.1%**
LN thuần từ HĐKD	-29.4	-20.6	-42.6%	-32.3	-2.96	-992%
Lợi nhuận khác	**-0.53**	**-0.15**	**-257%**	**2.20**	**-0.62**	**453%**
LN trước thuế	-29.9	-20.8	-43.8%	-30.1	-3.58	-740%
Lợi nhuận sau thuế	**-34.5**	**-21.3**	**-61.9%**	**-35.5**	**-6.33**	**-461%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-14.8**	**-10.9**	**-36.0%**	**-14.4**	**6.85**	**-310%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-117	-29.9	61.2	165	251	19.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	159	35.9	-90.0	-118	-342	-49.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.7	-21.7	39.5	13.0	47.8	50.8
Tiền đầu kỳ	6.46	20.5	4.80	11.7	71.5	28.4
Lưu chuyển tiền thuần	**10.2**	**-15.7**	**10.7**	**59.8**	**-43.2**	**20.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	16.7	4.80	11.7	71.5	28.4	48.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,766**	**1,698**	**4.0%**
Tài sản ngắn hạn	279	415	-32.9%
Tiền và tương đương tiền	48.3	71.5	-32.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	124	-100%
Phải thu ngắn hạn	201	193	4.1%
Hàng tồn kho	24.3	24.6	-0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.88	2.25	117%
Tài sản dài hạn	**1,488**	**1,283**	**16.0%**
Phải thu dài hạn	0.39	40.4	-99.0%
Tài sản cố định	787	811	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	147	84.1	75.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	537	330	62.4%
Tài sản dài hạn khác	**4.76**	**4.73**	**0.7%**
Lợi thế thương mại	11.1	11.8	-5.7%
Nợ phải trả	869	767	13.3%
Nợ ngắn hạn	**260**	**234**	**11.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	198	149	32.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.6	28.5	-24.2%
Nợ dài hạn	609	533	14.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	523	450	16.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**898**	**931**	**-3.6%**
Vốn chủ sở hữu	**898**	**931**	**-3.6%**
Vốn điều lệ	768	768	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)